

TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT CỦA TỔNG THÔNG NÔNG (CAO BẰNG) QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ GIA LONG 4 (1805)¹

ĐÀM THỊ UYÊN
TRẦN THỊ THANH TÚ

1. Khái quát về huyện Thông Nông

Thông Nông là một huyện vùng cao biên giới nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Cao Bằng, cách trung tâm thành phố Cao Bằng 50km. Phía Đông giáp huyện Hà Quảng và huyện Hòa An, phía Tây giáp huyện Bảo Lạc, phía Nam giáp huyện Nguyên Bình, phía Bắc giáp huyện Nà Po (tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc).

Đầu thế kỷ thứ XIX, vùng đất huyện Thông Nông ngày nay chỉ là một tổng của châu Thạch Lâm, trấn Cao Bằng. Tháng 3 năm 1834 đổi châu làm huyện (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1992, tr. 403). Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp lại đổi huyện thành châu, tách các tổng Phù Dúng, Tràng An, Hà Quảng và Thông Nông thuộc châu Thạch Lâm để lập châu Hà Quảng. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, châu Hà Quảng đổi thành huyện Hà Quảng. Năm 1966, huyện Thông Nông được thành lập gồm 6 xã của huyện Hà Quảng (vốn là các xã thuộc tổng Thông Nông cũ) và 2 xã Bình Lăng, Yên Sơn của huyện Nguyên Bình. Hiện nay, huyện Thông Nông gồm 11 đơn vị hành chính (10 xã: Đa Thông, Lương Thông, Lương Can, Thanh Long, Ngọc Động, Bình Lăng, Cản Yên, Vị Quang, Cản Nông và thị trấn Thông Nông).

Tư liệu chủ yếu để phục dựng lại bức tranh về tình hình ruộng đất của tổng Thông Nông là 7 đơn vị địa bạ có niên đại Gia Long 4 (1805), hiện lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (TTLTQG I) (Hà Nội). Các địa bạ đều gắn với tên xã (ví như *Lang Can xã địa bạ*). Đó là các xã *An Dương* (ký hiệu: 313), *Đa Năng* (ký hiệu: 283), *Lang Can* (ký hiệu: 221), *Lương Năng* (ký hiệu: 230), *Thông Nông* (ký hiệu: 304), *Thông Sơn* (ký hiệu: 236) và *Trùng Khôn* (ký hiệu: 268).

2. Tình hình sở hữu ruộng đất

2.1. Sở hữu ruộng tư

Theo số liệu địa bạ năm Gia Long 4 (1805), tổng diện tích các hạng của tổng Thông Nông là 452 mẫu 4 sào 5 thước 2 tấc, trong đó tư điền là 401 mẫu 0 sào 3 thước 1 tấc (89,46%), thổ trạch viên tri là 49 mẫu 1 sào 7 thước 2 tấc (10,92%).

Về hạng ruộng đất, Thông Nông chỉ có ruộng hạng hai (*nhị đẳng điền*) với 190 mẫu 9 sào 6 thước 5 tấc, chiếm 47,61% tổng diện tích và 210 mẫu 0 sào 01 thước 6 tấc ruộng hạng ba (*tam đẳng điền*), chiếm 52,39%, không có ruộng loại một (*nhất đẳng điền*). Ở các xã Đa Năng, Lang Can, toàn bộ diện tích là ruộng đất loại hai.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.2-2011.17. Xin chân thành cảm ơn.

Bảng 1. Diện tích ruộng đất của tổng Thông Nông đầu thế kỷ XIX

Đơn vị: mẫu, sào, thước, tấc (m.s.th.t)

Xã	Tổng diện tích		Tư điền		Thổ tịch, viên tri	
	Diện tích	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
An Dương	89.4.04.2	19,87	82.1.02.7	20,48	7.3.01.5	14,87
Đa Năng	51.3.11.3	11,41	33.3.00.0	8,30	18.0.11.3	36,78
Lang Can	36.7.01.1	8,15	34.7.01.1	8,65	2.0.00.0	4,07
Lương Năng	66.3.04.4	14,73	63.0.10.8	15,73	3.2.08.6	6,63
Thông Nông	89.4.02.8	19,86	86.7.06.8	21,63	2.6.11.0	5,44
Thông Sơn	36.5.14.5	8,13	34.0.13.4	8,50	2.5.01.1	5,10
Trọng Khôn	80.3.02.0	17,84	66.9.13.3	16,70	13.3.03.7	27,11
Tổng	450.1.10.3	100,00	401.0.03.1	89,08	49.1.07.2	10,92

Nguồn: 7 địa bạ Gia Long 4 (1805).

Bảng 2. Quy mô sở hữu ruộng tư tổng Thông Nông

Đơn vị: mẫu, sào, thước, tấc (m.s.th.t)

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1-3 mẫu	14	22,58	30.5.01.0	7,61
3-5 mẫu	10	16,13	41.1.00.0	10,25
5-10 mẫu	26	41,94	181.8.09.2	45,35
10-20 mẫu	11	17,74	123.1.01.9	30,70
20-30 mẫu	1	1,61	24.4.06.0	6,09
Tổng	62	100,00	401.0.03.1	100,00

Nguồn: 7 địa bạ Gia Long 4 (1805).

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, mức độ tư hữu hóa ruộng đất ở tổng Thông Nông là rất cao, chiếm tới 89,08% tổng diện tích; ngoài tư điền và đất thổ trạch viên tri, không xuất hiện loại đất nào khác. Ở những vùng miền núi như Cao Bằng, diện tích ruộng đất tư lớn có thể do mua bán, cũng có thể do các gia đình tự khai phá các thung lũng, bãi bồi.

Diện tích tư điền cao liên quan đến các chủ sở hữu: có 62 chủ sở hữu theo 5 quy mô (Bảng 2). Bảng 2 cho thấy:

- Có 24 chủ có mức sở hữu dưới 5 mẫu, chiếm 38,71% tổng số chủ và chiếm 17,86% tổng diện tích ruộng đất tư. Đây được coi là bộ phận nông dân tự canh của Thông Nông.

- Số chủ sở hữu từ 5-10 mẫu chiếm số lượng đông nhất (26 chủ, chiếm 41,92% tổng số chủ và đến 45,35% tổng diện tích). Nếu lấy mức sở hữu là 5 mẫu làm giới hạn xác định chủ khá giả thì tỷ lệ này của Thông Nông là khá cao.

- Có 11 chủ sở hữu từ 10-20 mẫu và chiếm 30,70% diện tích tư điền. Số chủ sở hữu trên 20 mẫu chỉ có một chủ, đây là một tỷ lệ rất thấp so với các tổng, huyện khác của Cao Bằng.

- Chủ sở hữu cao nhất là ông Nông Hữu Đức ở xã Thông Nông có 24m 4s 6th (*Thông Nông xã địa bạ năm Gia Long 4*) và chủ sở hữu nhỏ nhất là bà Nông Thị Nùng xã An Dương với diện tích 1m 2s 0th (*An Dương xã địa bạ năm Gia Long 4*).

- Bình quân sở hữu ruộng đất tư của một chủ ở Thông Nông thời Gia Long 4 là 6.4.10.2. Xã có mức bình quân cao nhất là xã Thông Sơn (7.2.4.3), đây cũng là xã có diện tích đất lớn nhất. Mức sở hữu bình quân thấp nhất là xã Lang Can (4.3.5.7).

Như vậy, có 401m 0s 3th 1 tấc ruộng đất phân tán trên 51 thửa, bình quân diện tích một thửa là 7m 8s 9th 4t. Xã có bình quân diện tích cao nhất/một thửa là xã An Dương (13m 6s 12th 9t) và thấp nhất là xã Thông Sơn (3m 0s 14th 8t).

Các số liệu về quy mô và diện tích sở hữu, bình quân diện tích của chủ ruộng, thửa ruộng... trên đây cho thấy, mặc dù quá trình tư hữu hóa của Thông Nông là xu hướng chính, nhưng không có hiện tượng tập trung vào trong tay những chủ sở hữu lớn, bình quân ruộng đất khá đồng đều giữa các xã, không có sự chênh lệch quá lớn.

Một hiện tượng khác trong sở hữu ruộng đất ở Thông Nông đầu thế kỷ XIX là: Thông Nông là huyện vùng núi cao, chiếm tỷ lệ tuyệt đối trong thành phần dân cư là người Tày và người Nùng - những dân tộc có chế độ phụ quyền gia trưởng rất cao, song có 5 phụ nữ đứng tên chủ sở hữu trong 61 chủ (chiếm 8,2%) với diện tích ruộng đất sở hữu là 15m 8s 0th (bằng 3,94% tổng diện tích). Bình quân sở hữu của 1 chủ nữ (3m 1s 9th), thấp hơn so với chủ sở hữu là nam giới (6m 8s 11th 8t).

Cũng giống như các tổng huyện khác trong tỉnh Cao Bằng, ở Thông Nông cũng có hiện tượng phụ canh, tức người của xã, thôn này có ruộng đất trên địa phận của thôn, xã lân cận, cũng có khi ở một thôn thuộc tổng huyện khác. Điều này có thể giải thích rằng, do ruộng đất được coi như một thứ hàng hóa, nên người ta có thể mua bán không chỉ ở trong thôn, xã của mình mà còn ở những vùng xa hơn, thậm chí ở huyện khác, tỉnh khác. Ở Thông Nông, thời điểm Gia Long 4 (1805) có 12 chủ sở hữu phụ canh với diện tích 38m 1s 0th; mức sở hữu bình quân là 3m 1s 11th 2t, thấp khá nhiều so với mức bình quân chung của tổng.

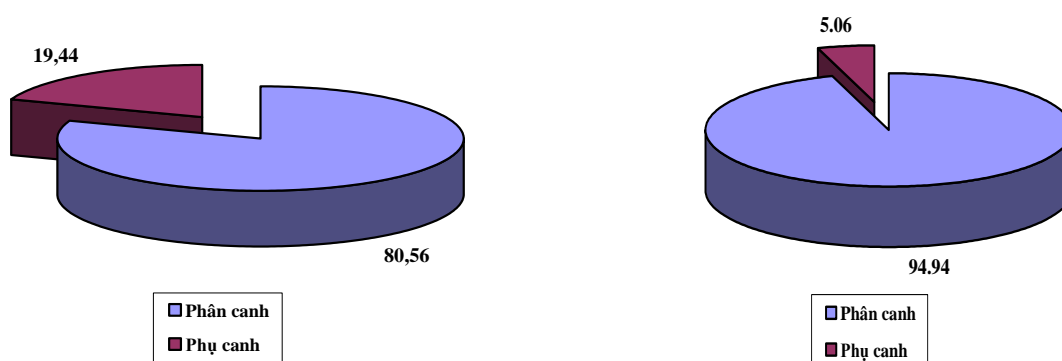
Bảng 3. Bình quân sở hữu và bình quân thửa của tổng Thông Nông

Đơn vị: m.s.th.t

TT	Xã	Diện tích sở hữu	Số thửa	Bình quân diện tích 1 thửa	Số chủ	Bình quân sở hữu 1 chủ
1	An Dương	82.1.02.7	6	13.6.12.9	13	6.3.02.5
2	Đa Năng	33.3.00.0	4	8.3.3.7	6	5.5.07.5
3	Lương Can	34.7.01.1	5	6.9.06.2	8	4.3.05.7
4	Lương Năng	63.0.10.8	9	7.0.01.2	10	6.3.01.0
5	Thông Nông	86.7.06.8	10	8.6.11.1	12	7.2.04.3
6	Thông Sơn	34.0.13.4	11	3.0.14.8	5	6.8.02.6
7	Trọng Khôn	66.9.13.3	6	11.1.09.7	8	8.3.11.0
Tổng		401.0.03.1	51	7.8.09.4	62	6.4.10.2

Nguồn: 7 địa bạ Gia Long 4 (1805).

Biểu đồ 1. Diện tích ruộng đất phụ canh theo địa bạ Gia Long 4 (1805)



Nếu so với tỷ lệ phụ canh ở các tổng, huyện khác thì tỷ lệ của tổng Thông Nông là thấp, nhưng nếu xét về điều kiện địa lý, địa hình núi cao không mấy thuận lợi của Thông Nông thì điều này cũng là phù hợp. Ở Thông Nông, chỉ có hiện tượng phụ canh ở các xã, thôn trong tổng với nhau (như trường hợp ông Nông Văn Tương ở xã Đa Năng phụ canh 5m 5s ruộng ở xã An Dương); không có hiện tượng chủ sở hữu từ huyện hoặc xứ khác đến phụ canh.

2.2. Sở hữu ruộng đất của chức sắc

Tư liệu địa bạ còn phản ánh sở hữu của những người có chức quyền ở làng xã,

được gọi là *chức sắc*. Chức sắc gồm hai loại là chức dịch và sắc mục. Chức dịch là bộ phận quản lý làng xã nằm trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước, được Nhà nước công nhận chính thức, như lý trưởng, xã trưởng, tả bạ, tri thu... Còn sắc mục là những người được làng cử ra đại diện cho cộng đồng, tiêu biểu cho bộ máy tự quản của làng xã (huương mục, trùm, huương lão, dịch mục) (Phan Phương Thảo, 2004, tr. 58).

Tài liệu địa bạ còn cho biết, thời Gia Long trong 7 xã của tổng Thông Nông, có 21 chức sắc chiếm 33,8% tổng số chủ và chiếm 34,26% tổng số diện tích, trong đó có 3 người không có ruộng đất (Bảng 4).

Bảng 4. Tư hữu ruộng đất của các chức sắc

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
Không có ruộng đất	3	14,29	0	0
Dưới 1 mẫu	0	0	0	0
1-3 mẫu	3	14,29	7.0.01.0	5,10
3-5 mẫu	0	0	0	0
5-10 mẫu	10	47,62	71.1.13.4	51,82
10-20 mẫu	5	23,81	59.1.13.6	43,08
Tổng	21	100,00	137.3.13.0	100,00

Nguồn: 7 địa bạ Gia Long 4 (1805).

Quy mô sở hữu của các chức sắc tông Thông Nông như số liệu trong Bảng 4 cho thấy, ở đầu thế kỷ XIX, đại đa số các sắc mục, chức dịch đều thuộc tầng lớp khá giả, sở hữu từ 5 mẫu ruộng trở lên, chiếm 47,62% số chức sắc và 51,82% diện tích ruộng đất.

Số chủ sở hữu trên 10 mẫu có tới 5 trong tổng số 18 chức sắc có ruộng đất với diện tích 59m 1s 13th 6t (chiếm 43,08%).

Người có mức sở hữu cao nhất là ông Lã Văn Ý - Thôn trưởng của xã An Dương với diện tích là 16m 6s 2th 7t. Điều đáng chú ý là trong 21 chức sắc của xã có 3 người không có ruộng đất (chiếm 14,29%) gồm 2 xã trưởng và 1 sắc mục. Hiện tượng trên được giải thích, những người này mặc dù đảm nhận chức vụ nhưng vẫn chưa trở thành người chủ sở hữu của gia đình vì chưa tách riêng khỏi gia đình chung của bố mẹ hoặc có thể đây là những trường hợp đi ở rẫy (Đàm Thị Uyên, 2011, tr. 116).

2.3. Sở hữu của nhóm họ

Tên họ và diện tích ruộng đất của từng chủ sở hữu trong địa bạ là những thông tin rất quan trọng để nghiên cứu về vấn đề dòng họ. Tuy nhiên, chỉ với những thông tin trong địa bạ thì chưa thể khẳng định những người cùng tên họ là cùng một dòng họ (huyết thống), thậm chí nếu thống kê tới tên gọi thứ hai của dòng họ (thường gọi là đệm) cũng chưa thể khẳng định những người có cùng họ và đệm nhất thiết phải cùng một họ hay không. Ở đây, chúng tôi đưa ra khái niệm “nhóm họ” để chỉ tập hợp những dòng họ có chung tên gọi đầu tiên, ví dụ nhóm họ Nông, nhóm họ Hoàng,

nhóm họ Triệu... Như vậy, mỗi nhóm họ có thể bao gồm một hoặc một số dòng họ đích thực. Với quy ước như vậy, chúng tôi thống kê các chủ sở hữu theo nhóm họ, căn cứ vào chữ đầu tiên của tên họ (Phan Phương Thảo, 2004, tr. 63), bởi đó cũng là một trong những nguồn tư liệu cần thiết khi nghiên cứu các dòng họ ở Thông Nông nói riêng, nông thôn Việt Nam nói chung.

Ở Thông Nông thời Gia Long trong tổng số 62 chủ sở hữu có 18 dòng họ khác nhau (Bảng 5).

Thống kê mức độ sở hữu ruộng đất của 18 nhóm họ/62 chủ sở hữu ruộng đất cho thấy sự phân bố ruộng đất và mức độ sở hữu ruộng đất của các nhóm họ không đồng đều. Có những nhóm họ số lượng rất đông và sở hữu phần lớn diện tích ruộng đất của Thông Nông như nhóm họ Nông, họ Hoàng, họ Chu...; đặc biệt là nhóm họ Nông có 37 chủ (chiếm 59,68% tổng số chủ). Trong khi đó, có rất nhiều dòng họ chỉ có 1 chủ sở hữu như họ Lộc, họ Lương, họ Ma. Hiện tượng nhóm họ Nông chiếm đa số trong tổng số các chủ qua địa bạ 7 xã của tổng Thông Nông là do họ này là dòng họ thổ ty (quảng) đã trấn giữ ở Cao Bằng từ thế kỷ XV, có vai trò lớn trong đời sống chính trị cũng như kinh tế ở vùng đất biên ải này.

Bên cạnh sự phân bố không đều về chủ sở hữu ruộng đất trong các họ, mức độ sở hữu giữa các nhóm họ cũng có sự chênh lệch. Trong các chủ sở hữu ở Thông Nông, họ Nông đã chiếm tới 59,52% tổng diện tích ruộng đất của cả huyện. Đây cũng là nhóm họ nằm trong bộ phận chức sắc nhiều nhất.

Bảng 5. Quy mô sở hữu của các nhóm họ thời Gia Long 4 (1805)

Đơn vị: m.s.th.t

TT	Họ sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Bế	1	1,61	11.8.00.0	2,94
2	Chu	2	3,23	10.4.00.0	2,59
3	Đình	1	1,61	5.0.00.0	1,25
5	Hoàng	5	8,06	20.9.00.0	5,21
6	Lã	1	1,61	16.6.02.7	4,14
7	Lân	2	3,23	11.8.01.0	2,94
8	Lanh	2	3,23	14.5.13.4	3,64
9	Lê	1	1,61	2.5.00.0	0,62
10	Lộc	1	1,61	3.5.00.0	0,87
11	Lương	1	1,61	11.2.00.0	2,79
12	Lý	1	1,61	6.0.05.7	1,51
13	Ma	1	1,61	3.5.00.0	0,87
14	Nguyễn	1	1,61	10.0.00.0	2,49
15	Nông	37	59,68	238.6.10.3	59,52
16	Phan	2	3,23	5.9.00.0	1,47
17	Triệu	2	3,23	17.1.00.0	4,26
18	Trương	1	1,61	11.5.00.0	2,87
Tổng		62	100,00	401.0.03.1	100,00

Nguồn: 7 địa bạ Gia Long 4 (1805).

3. Nhận xét

Từ những tư liệu trên đây, xin đưa ra một số nhận xét về tình hình ruộng đất của tổng Thông Nông vào đầu thế kỷ XIX.

Thứ nhất, tình hình ruộng đất của tổng Thông Nông vào đầu thế kỷ XIX không nằm ngoài hiện tượng chung của đất nước lúc bấy giờ. Đó là sở hữu tư về ruộng đất chiếm vị trí bao trùm (88,54%). Trong tổng không có diện tích đất công hay lưu hoang, mà chỉ có đất tư và thổ trạch. Như vậy, quá trình tư hữu hóa ruộng đất của Thông Nông đã đạt đến đỉnh cao.

Thứ hai, quy mô sở hữu ruộng đất của Thông Nông không cao, trung bình sở hữu từ 5-10 mẫu, số chủ sở hữu cao nhất cũng chỉ là 24m 4s 6th 10t và cũng chỉ có duy nhất một chủ có mức sở hữu trên 20 mẫu. Số chủ là nữ chiếm tỷ lệ thấp, có chủ phụ canh nhưng chiếm số lượng không đáng kể. Mặc dầu vậy, điều này cũng đã phản ánh được phần nào vị trí của người phụ nữ trong xã hội lúc bấy giờ và thấy được sự xuất hiện của sở hữu cá thể trong các xã, thôn của tổng Thông Nông.

Thứ ba, ở các huyện miền núi nói chung và ở Thông Nông nói riêng, các nhóm họ lớn trong làng bản chiếm một vị trí rất lớn, biểu hiện trong việc sở hữu ruộng đất. Ở Thông Nông ruộng đất tập trung chủ yếu trong tay các nhóm họ đặc biệt là họ Nông; bên cạnh đó, các chức sắc trong xã

cùng nằm trong tay các nhóm họ lớn này. Như vậy, ở Thông Nông các nhóm họ lớn có địa vị quan trọng nắm quyền lực cả về kinh tế lẫn chính trị.

Tài liệu tham khảo

1. An Dương xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 313.
2. Đa Năng xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 283.
3. Lang Can xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 221.
4. Lương Năng xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 230.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập IV, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Phan Phương Thảo (2004), *Chính sách quân điền năm 1839 ở Bình Định*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
7. Thông Nông xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 304.
8. Thông Sơn xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 236.
9. Trùng Khôn xã địa bạ năm Gia Long 4, TTLTQG I, Hà Nội, Ký hiệu: 268.
10. Đàm Thị Uyên (2011), *Huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng từ khi thành lập đến thế kỷ XIX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.